

BẬT CẬP TRONG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Trần Minh Hiệp

ThS. Khoa Luật Thương mại – Trường Đại học Luật Tp. HCM.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 29/03/2020

Biên tập : 15/04/2020

Duyệt bài : 22/04/2020

Article Information:

Key words: Life insurance, insurance contracts

Article History:

Received : 29 Mar. 2020

Edited : 15 Apr. 2020

Approved : 22 Apr. 2020

1. Một số bất cập trong quy định của pháp luật điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Giao kết hợp đồng bảo hiểm con người cho trường hợp chết

Mục đích của việc mua bảo hiểm cho trường hợp chết của người khác là nhằm thực

Tóm tắt:

Bảo hiểm nhân thọ (BHNT) vừa là một hình thức chuyển giao rủi ro, vừa là một hình thức đầu tư tài chính. Mục tiêu của BHNT là đảm bảo khả năng chi trả các chi phí tài chính của người thụ hưởng khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với người được bảo hiểm (NDBH). Trong quan hệ BHNT, do hạn chế về trình độ chuyên môn và khả năng đàm phán trực tiếp với doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH), người mua bảo hiểm thường ở vị thế bất lợi hơn trong việc thỏa thuận dẫn đến nguy cơ từ chối chi trả bảo hiểm. Vì vậy, các quy định của pháp luật trở thành yếu tố quan trọng chi phối đến hợp đồng bảo hiểm (HDBH). Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, một số quy định của pháp luật về hợp đồng BHNT đã không còn phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam và xu thế phát triển chung của thế giới. Điều này vừa là rào cản cho sự phát triển của thị trường BHNT, vừa không bảo đảm được quyền lợi chính đáng của NDBH hoặc người thụ hưởng.

Abstract:

Life insurance is not only a form of risk transfer but also a form of financial investment. The goal of life insurance is to ensure the beneficiary's ability for financial expenses when an insured event occurs to the insurance clients. In the relationship of insurance, due to limited professional qualifications and the ability to negotiate directly with the insurance service providers, the insurance clients are often in a disadvantageous position in the agreement, which may lead to the risk of rejection of the insurance payout. Therefore, the provisions of the law become an important factor governing the insurance contract. However, in the current period, some provisions of the law on life insurance contracts are no longer appropriate with reality in Vietnam and the general development trend of the world. This is a barrier to the development of the life insurance market, and to the eligible interests of the insurance clients or the beneficiaries.

hiện nghĩa vụ của NDBH cho người được nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Do đó, NDBH phải được biết người thụ hưởng là ai và số tiền bảo hiểm bao nhiêu tại thời điểm giao kết HDBH¹. Dưới góc độ đạo đức, quy định này nhằm đảm bảo người mua bảo hiểm không trực lợi từ sự kiện chết của NDBH. Tuy

1 Khoản 1 Điều 38 Luật KDBH.

nhiên, đoạn hai khoản 1 Điều 38 Luật Kinh doanh bảo hiểm (KDBH) quy định: “*Mọi trường hợp thay đổi người thụ hưởng phải có sự đồng ý bằng văn bản của bên mua bảo hiểm*”. Quy định này vừa thừa, vừa thiếu. Thừa bởi vì, thay đổi người thụ hưởng là thay đổi nội dung của HĐBH thì đương nhiên phải được người mua bảo hiểm đồng ý; thiếu bởi vì, bên mua bảo hiểm có thể tùy ý thay đổi người thụ hưởng mà không cần ý kiến của NĐBH. Nội dung này bị xung đột với quy định của khoản 1 Điều 38 Luật KDBH.

Các trường hợp không trả tiền bảo hiểm

Nhằm loại bỏ hành vi trục lợi bảo hiểm, Luật KDBH quy định 3 trường hợp không được trả tiền bảo hiểm do có yếu tố trục lợi từ người mua bảo hiểm, NĐBH hoặc người thụ hưởng². Về vấn đề này, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, điểm a khoản 1 Điều 39 Luật KDBH quy định: “*DNBH không phải trả tiền bảo hiểm trong trường hợp NĐBH chết do tự tử trong thời hạn hai năm, kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày HĐBH tiếp tục có hiệu lực*”. Quy định này nhằm loại bỏ tình trạng trục lợi bảo hiểm. Hai năm được xác định là khoảng thời gian cần thiết cho NĐBH quên đi ý định tự tử để trục lợi bảo hiểm hình thành vào ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc vào ngày đóng phí gia hạn hiệu lực của HĐBH. Dưới góc độ tâm lý, trừ những người bị tâm thần phân liệt, tự tử là hành vi bộc phát mang tính ngắn hạn³. Do đó, khoảng thời gian bị loại trừ bảo hiểm đến 2 năm là quá dài. Khoảng thời gian khá dài này làm cho hành vi tự tử và ý thức trục lợi bảo hiểm không còn liên quan nhau. Chúng tôi cho rằng, quy định này gây bất lợi cho người thụ hưởng khi NĐBH không có ý thực trục lợi bảo hiểm.

Bên cạnh đó, pháp luật chưa quy định rõ đối với trường hợp NĐBH tự tử khi đang mắc bệnh tâm thần thì người thụ hưởng có được trả tiền bảo hiểm hay không? Theo đó, giả định tại thời điểm giao kết HĐBH, NĐBH không mắc bệnh tâm thần. Trong thời hạn 2 năm tính từ ngày đóng khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày HĐBH tiếp tục có hiệu lực thì NĐBH bị bệnh tâm thần và có hành vi tự tử. Căn cứ theo quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Luật KDBH thì DNBH có quyền từ chối trả tiền bảo hiểm.

Thứ hai, điểm b khoản 1 Điều 39 Luật KDBH quy định: “*DNBH không phải trả tiền bảo hiểm trong trường hợp NĐBH chết hoặc bị thương tật vĩnh viễn do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm hoặc lỗi cố ý của người thụ hưởng*”. Trong trường hợp này, “*DNBH vẫn phải trả tiền bảo hiểm cho những người thụ hưởng khác theo thỏa thuận trong HĐBH*”⁴. Chúng tôi nhận thấy có 2 vấn đề phát sinh:

Một là, nếu người mua bảo hiểm chỉ định nhiều người thụ hưởng thì những người thụ hưởng còn lại vẫn được trả tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, pháp luật không quy định số tiền thụ hưởng của mỗi người vẫn giữ nguyên theo chỉ định của người mua bảo hiểm hay được hưởng thêm phần của người thụ hưởng bị tước quyền thụ hưởng.

Hai là, nếu người mua bảo hiểm chỉ định một người thụ hưởng hoặc nhiều người thụ hưởng nhưng tất cả những người thụ hưởng đều cố ý gây ra cái chết hoặc bị thương tật vĩnh viễn cho NĐBH thì DNBH không phải trả tiền bảo hiểm mà chỉ “*trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của HĐBH hoặc toàn bộ số phí bảo hiểm đã đóng sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan*”. Chúng tôi cho rằng, quy định này

2 Xem khoản 1 Điều 39 Luật KDBH.

3 Xem thêm tại <http://www.thankinh.com/nguyen-nhan-dan-den-suy-nghi-tu-tu/>, truy cập ngày 20/3/2020.

4 Xem khoản 2 điều 39 Luật KDBH.

chưa hợp lý vì lý do sau: Bản chất của BHNT là đầu tư tài chính, do giá trị của số tiền bảo hiểm và giá trị hoàn lại của HĐBH hoặc toàn bộ số phí bảo hiểm đã đóng sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan có sự chênh lệch rất lớn, nên người mua bảo hiểm với tư cách là nhà đầu tư hoàn toàn có quyền chỉ định người khác là người thụ hưởng nhằm tối đa hóa kết quả đầu tư; hoặc trong trường hợp, người mua bảo hiểm chỉ định người thụ hưởng theo cơ chế thiết lập thứ tự ưu tiên thì xử lý như thế nào? Có ý kiến cho rằng, cần ghi nhận quyền chỉ định người thụ hưởng bổ sung nếu người thụ hưởng cố ý gây ra cái chết hoặc bị thương tật vĩnh viễn cho NĐBH mà không còn người thụ hưởng khác được chỉ định trước đó trong HĐBH⁵.

Thứ ba, điểm c khoản 1 Điều 39 Luật KDBH quy định: “DNBH không phải trả tiền bảo hiểm trong trường hợp NĐBH chết do bị thi hành án tử hình”. Cố ý phạm tội một cách đặc biệt nghiêm trọng để được/bị tử hình (mong muốn phát sinh sự kiện bảo hiểm) nhằm mang lại lợi ích cho người thụ hưởng cũng là một hình thức trục lợi bảo hiểm. Tuy nhiên, quy định trên rõ mục đích là nhằm: (i) loại bỏ ý định trục lợi bằng hành vi phạm tội để được/bị tử hình hay (ii) trừng phạt NĐBH do có hành vi phạm tội nên không được thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng với người thụ hưởng.

Nếu ở khía cạnh thứ nhất, chúng tôi cho rằng cần ấn định một khoảng thời gian từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc vào ngày đóng phí gia hạn hiệu lực của HĐBH đến ngày NĐBH thực hiện hành vi phạm tội (khác với ngày bị thi hành án tử hình). Khoảng thời gian này cần thiết bằng với khoảng thời gian tại điểm a khoản 1 Điều

39 Luật KDBH để NĐBH phạm tội không vi ý định trục lợi bảo hiểm.

Nếu ở khía cạnh thứ hai, dù NĐBH có phạm tội như thế nào thì quyền được nuôi dưỡng, cấp dưỡng của người thụ hưởng phải được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo đó, sự kiện NĐBH chết do bị thi hành án tử hình đã làm mất đi người nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với người thụ hưởng. Do đó, quyền và lợi ích của người thụ hưởng vẫn phải được bảo đảm.

Về nghĩa vụ cung cấp thông tin và hậu quả pháp lý

Thông tin được một bên cung cấp chính là yếu tố quan trọng để bên còn lại quyết định giao kết hoặc không giao kết HĐBH. Trong BHNT, thông thường DNBH sẽ gửi cho người mua bảo hiểm một danh sách các câu hỏi với cấu trúc trả lời là có hoặc không. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi không bàn về nội dung thông tin cần cung cấp mà chỉ đề cập đến 2 khía cạnh sau:

Thứ nhất, cung cấp thông tin trong hợp đồng BHNT là quyền hay nghĩa vụ của người mua bảo hiểm. Khoản 1 Điều 19 Luật KDBH quy định: “Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho DNBH”. Như vậy, pháp luật KDBH xác định cung cấp thông tin là *nghĩa vụ bắt buộc* của người mua bảo hiểm. Giả định trường hợp DNBH đặt một câu hỏi khó theo kiểu là “đã từng” hoặc “có thường uống chất có cồn không? Nếu có thì loại gì? Bao nhiêu ml/tuần”⁶, người mua không chắc chắn về câu trả lời nên không trả lời hoặc trả lời là “không biết” thì có vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin hay không? Hoặc ngược lại nếu người mua bảo hiểm yêu cầu DNBH cung cấp báo cáo tài chính 3 năm gần nhất của DNBH. Vi giữ

5 Xem thêm Trần Vũ Hải, Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ- Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Sách chuyên khảo, Nxb. Tư pháp, 2006, tr.148.

6 Xem tại <https://www.prudential.com.vn/export/sites/prudential-vn/.content/HSYCBHNT-MAU-15.pdf>, truy cập ngày 16/3/2020.

bí mật tài chính, DNBH từ chối cung cấp thì có bị xem là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin hay không? Chúng tôi cho rằng, Luật KDBH nên ghi nhận quyền từ chối cung cấp thông tin của người mua bảo hiểm và DNBH nếu một bên nhận thấy không thể cung cấp chính xác hoặc không cần thiết phải cung cấp.

Thứ hai, quy định của pháp luật về xử lý hậu quả nếu một bên vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin. Theo đó, khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật KDBH áp dụng chế tài đơn phương đình chỉ hợp đồng nếu một bên “*cố ý cung cấp thông tin sai sự thật cho bên còn lại*”. Trong khi đó, điểm d khoản 1 Điều 22 Luật KDBH quy định hành vi “*lừa dối khi giao kết HĐBH*” của một bên được coi là căn cứ để tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Tuy nhiên, “*mấu chốt của vấn đề chính là, pháp luật không nói rõ, lúc nào hành vi cố ý cung cấp thông tin sai sẽ dẫn đến hợp đồng vô hiệu và lúc nào thì đơn phương chấm dứt hợp đồng*”⁷.

Khôi phục hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Thời hạn bảo hiểm trong BHNT thường rất dài. Do đó, khả năng dự báo về năng lực đóng phí của người mua rất thấp. Việc vi phạm nghĩa vụ đóng phí dẫn đến hợp đồng bị chấm dứt là hoàn toàn có thể xảy ra. Nhằm bảo vệ quyền lợi các bên, khoản 4 điều 34 Luật KDBH quy định cho phép các bên có quyền thỏa thuận khôi phục hiệu lực của HĐBH. Tuy nhiên, quy định này còn tồn tại nhiều hạn chế:

Thứ nhất, về hình thức khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT, khoản 4 Điều 34

Luật KDBH quy định: “*Các bên có thể thỏa thuận khôi phục hiệu lực HĐBH đã bị đơn phương đình chỉ thực hiện theo quy định*”. Như vậy, pháp luật không quy định chi tiết trình tự, thủ tục để khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT bị đơn phương đình chỉ mà chỉ ghi nhận “*các bên có thể thỏa thuận*”. Thực tiễn cho thấy, do khó khăn về tài chính chi mang tính ngắn hạn, khi bị trễ hạn đóng phí bảo hiểm, người mua thường chọn giải pháp là đóng phí bù cho thời gian còn nợ phí và mặc nhiên xem như hoàn thành nghĩa vụ đóng phí. Khi thực hiện việc đóng bù phí bảo hiểm, người mua bảo hiểm không nhận bất kỳ phản hồi nào từ DNBH về trình tự, thủ tục khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT. Tuy nhiên, trong bộ quy tắc bảo hiểm, DNBH thường ghi nhận việc khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT phải được thỏa thuận giữa người mua bảo hiểm và DNBH⁸. Như vậy, trong trường hợp này, sự im lặng của DNBH khi nhận phí thanh toán bù cho thời gian vi phạm của người mua bảo hiểm không được coi là đồng ý khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT. Theo đó, người mua bảo hiểm vẫn tiếp tục đóng phí nhưng sẽ không được trả tiền bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Thứ hai, về điều kiện khôi phục hiệu lực của HĐBH: Căn cứ theo khoản 4 Điều 64 Luật KDBH thì việc khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT chỉ được thực hiện khi thỏa mãn 3 điều kiện:

Một là, thời hạn hợp đồng BHNT đã bị DNBH đơn phương đình chỉ không được quá 2 năm tính đến ngày người mua bảo hiểm và DNBH thỏa thuận khôi phục hiệu

7 Nguyễn Thị Thùy, Pháp luật hợp đồng bảo hiểm con người, Sách chuyên khảo, Nxb. Hồng Đức, 2017, tr.169.

8 Điểm k khoản 12.1 Bộ Quy tắc và điều khoản sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung đóng phí định kỳ quy định khi “Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin về nhân thân, sức khỏe, nghề nghiệp trong hồ sơ yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm và tuân thủ các điều kiện đã thỏa thuận tại Quy tắc, Điều khoản này. Nếu Bên mua bảo hiểm vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này, yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị hủy bỏ”. Xem <https://www.prudential.com.vn/export/sites/prudential-vn/.content/Phu-Toan-Gia-Hung-Thinh-Dieu-Kien-Dieu-Khoan.pdf>, truy cập ngày 15/3/2020.

lực của hợp đồng. Chúng tôi cho rằng, khôi phục hiệu lực bảo hiểm là nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên được tiếp tục thực hiện. Vì vậy, việc pháp luật giới hạn thời hạn khôi phục là không cần thiết.

Hai là, người mua bảo hiểm đã đóng đủ số phí bảo hiểm còn thiếu. Đây là điều kiện cần thiết đảm bảo cho hợp đồng tiếp tục có hiệu lực. Tuy nhiên, hành vi chậm trễ đóng phí bảo hiểm chỉ được thực hiện bằng việc đóng đủ phí bảo hiểm còn thiếu mà không bị áp dụng bất kỳ chế tài nào là chưa phù hợp với bản chất của hoạt động đầu tư tài chính. Điều này dẫn đến sự không bình đẳng giữa những người mua bảo hiểm trong việc thực hiện nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm.

Ba là, việc khôi phục hiệu lực hợp đồng BHNT chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng BHNT bị đơn phương đình chỉ khi người mua bảo hiểm đã đóng bảo hiểm dưới 2 năm. Ngược lại, nếu người mua bảo hiểm đã đóng bảo hiểm từ 2 năm trở lên thì các bên không được thỏa thuận khôi phục hiệu lực của hợp đồng. Chúng tôi cho rằng, nếu người mua bảo hiểm đóng bảo hiểm từ 2 năm trở lên thì trong trường hợp hợp đồng BHNT bị DNBH đơn phương đình chỉ thì người mua bảo hiểm được nhận giá trị hoàn lại. Do đó, các bên không được thỏa thuận khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT. Tuy nhiên, khả năng vi phạm nghĩa vụ đóng phí của người mua BHNT là phổ biến. Do đó, việc thỏa thuận khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT nếu đạt được sẽ đảm bảo quyền lợi của người thụ hưởng bảo hiểm. Giả định nếu người mua bảo hiểm đã đóng bảo hiểm từ 2 năm trở lên và vi phạm nghĩa vụ đóng phí. DNBH tuyên bố đơn phương đình chỉ hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm nhưng người mua bảo hiểm chưa nhận giá trị hoàn lại. Sau đó, người mua bảo hiểm muốn khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT đã bị chấm dứt

thì không thể thực hiện được theo quy định của pháp luật.

Bốn là, việc khôi phục hiệu lực của HĐBH chỉ áp dụng trong trường hợp hợp đồng BHNT bị DNBH đơn phương đình chỉ do người mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ đóng phí mà không bao gồm các trường hợp khác. Bởi vì, việc hợp đồng bị đơn phương đình chỉ bởi một bên trong quan hệ hợp đồng có rất nhiều lý do khác nhau như người mua chậm khắc phục các biện pháp hạn chế rủi ro, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin nên bị đình chỉ nhưng sau đó đã kịp thời cung cấp thông tin đầy đủ... Việc giới hạn các trường hợp khôi phục hiệu lực của hợp đồng BHNT là không cần thiết và vi phạm quyền tự quyết của các bên trong quan hệ hợp đồng⁹.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Với mục tiêu bảo vệ quyền lợi của NDBH hoặc người thụ hưởng, đồng thời đảm bảo thị trường BHNT phát triển minh bạch, cần thiết phải có những sửa đổi, bổ sung các quy định điều chỉnh quan hệ HĐBH nhân thọ. Chúng tôi đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật điều chỉnh hợp đồng BHNT như sau:

Thứ nhất, sửa đổi đoạn hai khoản 1 Điều 38 Luật KDBH theo hướng đảm bảo tính lô gích và thống nhất với đoạn thứ nhất của điều này và bảo vệ được quyền lợi của NDBH. Theo đó, đoạn hai khoản 1 Điều 38 được viết lại như sau: “Mọi trường hợp thay đổi người thụ hưởng và số tiền bảo hiểm phải có sự đồng ý bằng văn bản của NDBH”.

Thứ hai, nhằm bảo vệ quyền lợi của người thụ hưởng, cần sửa đổi các trường hợp hợp đồng được trả tiền bảo hiểm như sau:

Một là, điểm a khoản 1 Điều 39 Luật KDBH sửa đổi theo hướng giảm thời gian theo quy định tại khoản này từ 2 năm xuống

9 Xem thêm Trần Minh Hiệp, “Về thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ”, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 05(78), năm 2013, tr.37-43.

còn 1 năm. Khoảng thời gian này là đủ để loại bỏ mối liên hệ giữa hành vi mua bảo hiểm và ý định tự tử để trục lợi bảo hiểm.

Hai là, bổ sung vào điểm c khoản 1 Điều 39 Luật KDBH quy định về thời hạn tính từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày HĐBH tiếp tục có hiệu lực đến ngày thực hiện hành vi phạm tội mà khi xét xử, tội phạm đó bị áp dụng hình phạt tử hình. Khoảng thời hạn này bằng với khoảng thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Luật KDBH.

Ba là, bổ sung vào khoản 2 Điều 39 Luật KDBH hai nội dung sau:

(i) Nếu tất cả những người thụ hưởng đều có lỗi cố ý gây ra cái chết hoặc thương tật vĩnh viễn cho NĐBH thì người mua bảo hiểm có quyền chỉ định người thụ hưởng tiếp theo; trường hợp người mua bảo hiểm không thể chỉ định người thụ hưởng thì người thụ hưởng là người thừa kế của NĐBH.

(ii) Trong trường hợp, một hoặc một số người thụ hưởng cố ý gây ra cái chết hay thương tật vĩnh viễn cho NĐBH, DNBH vẫn phải trả tiền bảo hiểm cho những người thụ hưởng khác theo thỏa thuận trong HĐBH, số tiền bảo hiểm của một hoặc một số người thụ hưởng bị tước quyền thụ hưởng sẽ được xử lý theo quy định tại trường hợp (i).

Thứ ba, sửa đổi khoản 1 Điều 19 Luật KDBH theo hướng cho phép một bên có quyền từ chối cung cấp thông tin nếu thông tin được yêu cầu cung cấp không rõ ràng hoặc bên được yêu cầu cho rằng không cần thiết phải cung cấp. Dựa vào thực tiễn một bên từ chối cung cấp thông tin, bên còn lại tự cân nhắc việc có giao kết HĐBH hay không.

Thứ tư, về hậu quả pháp lý của việc một bên vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin: Nếu thời điểm phát hiện một bên vi phạm

nghĩa vụ cung cấp thông tin trước khi sự kiện bảo hiểm xảy ra thì bên bị vi phạm có quyền tuyên bố đơn phương đình chỉ HĐBH nhân thọ. Nếu thời điểm phát hiện một bên vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra thì tòa án chỉ có quyền tuyên bố vô hiệu nếu thông tin bị cho là lừa dối là nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm; trường hợp thông tin bị cho là lừa dối là không phải nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm thì DNBH vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH.

Thứ năm, sửa đổi khoản 4 điều 34 Luật KDBH theo hướng ghi nhận việc khôi phục hiệu lực của HĐBH là “tự do thỏa thuận” mà không đi kèm các điều kiện như đã phân tích tại mục 1. Đồng thời, cần xác định nguyên tắc DNBH im lặng thu phí của người mua bảo hiểm là đồng ý khôi phục hiệu lực của hợp đồng, trừ khi người mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực của HĐBH là có yếu tố trục lợi bảo hiểm.

Tóm lại, mua BHNT là nhu cầu tất yếu của nền kinh tế, khi mà con người có nhu cầu bảo đảm các khoản chi trả tài chính trong tương lai. Trong khi đó, tỷ lệ mua BHNT tại Việt Nam còn rất thấp so với các quốc gia trên thế giới (90% dân số Mỹ mua BHNT, người Việt chỉ là 8%)¹⁰. Bên cạnh những yếu tố như thu nhập còn thấp, ít có tâm lý phòng ngừa rủi ro... thì rào cản về pháp lý là một trong những yếu tố làm mất niềm tin của người mua bảo hiểm vào BHNT. Pháp luật BHNT Việt Nam phải được ban hành theo hướng bảo vệ quyền lợi người mua bảo hiểm, thay người mua bảo hiểm ghi nhận các quy định mang tính phòng ngừa, bảo vệ tối đa lợi ích của NĐBH hoặc người thụ hưởng khi người mua bảo hiểm không đủ năng lực thỏa thuận, đảm bảo pháp HĐBH¹¹.

10 Xem thêm tại <http://anzinsu.com/bhvn.nsf/0/90-dan-so-My-mua-bao-hiem-nhan-tho-nguoi-Viet-chi-la-8-50.htm>, truy cập ngày 15/3/2020.

11 Xem thêm: Trần Vũ Hải, Thực trạng pháp luật bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm nhân thọ và một số kiến nghị, Tạp chí Luật học, Số 7(146), năm 2013, tr.22-29.